

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS - ST

Ngày: 29/4/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Dũng

2. Ông Đỗ Thành Tiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn thị Mỹ Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 887/2020/TLST - DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-DS ngày 08/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng H (gọi tắt là Ngân hàng HTX).

Địa chỉ: Tầng 04- Tòa nhà N04 HĐ – C1 - Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phước T. Chức vụ: Trưởng phòng tín dụng doanh nghiệp Ngân hàng H - Chi nhánh Trà Vinh theo quyết định số 213/2019/QĐ-NHHT ngày 23/12/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng H. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thùy T1, sinh năm 1973 (vắng).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Phước T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng H trình bày:

Ngày 29/10/2019, bà Nguyễn Thùy T1 có vay tiền tại Ngân hàng H - Chi nhánh Trà Vinh theo Hợp đồng tín dụng số TD15300029 ngày 29/10/2019 số tiền vay là 65.000.000 đồng. Thời hạn trả trả: 29/10/2024; Số tiền trả hàng tháng gồm tiền gốc là 1.084.000 đồng + lãi phát sinh theo dư nợ thực tế, trả bằng thu nhập từ tiền lương, trợ cấp và các khoản thu nhập khác của bà T1 tại Trường mẫu giáo T có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị và Chủ tịch công đoàn trong hồ sơ vay vốn. Lãi suất cho vay: 11,52%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Đến kỳ hạn trả nợ nhưng bà T1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng nên số nợ trên đã chuyển thành nợ quá hạn vào ngày 28/5/2020.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày, Ngân hàng H- Chi nhánh Trà Vinh kính đề nghị Quý tòa xem xét và giải quyết các yêu cầu của Ngân hàng chúng tôi, cụ thể:

1/ Buộc bà Nguyễn Thùy T1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số TD 15300029 ký ngày 29/10/2019 với tổng số tiền tính đến ngày 29/4/2021 là: 77.941.290 đồng (Trong đó: vốn gốc là 65.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.855.592 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.079.998 đồng, phí chậm trả: 5.700 đồng).

2/ Bà Nguyễn Thùy T1 phải chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số TD 15300029 từ ngày 30/4/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng H- chi nhánh Trà Vinh.

Bị đơn bà Nguyễn Thùy T1: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử vụ án đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thùy T1 vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử và Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T1.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên cho rằng, vào ngày 29/10/2019, bà Nguyễn Thùy T1 có vay tiền tại Ngân hàng H - Chi nhánh Trà Vinh theo Hợp đồng tín dụng số TD15300029, số tiền vay: 65.000.000 đồng. Việc các bên ký kết hợp đồng nêu trên là tự nguyện, đúng quy định pháp luật, nay bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng vay vốn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thùy T1 có hộ khẩu thường trú tại Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng cho vay đã ký kết tổng cộng số nợ là 77.941.290 đồng (tính đến ngày 29/4/2021). Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Về quá trình tổng đạt các văn bản của Tòa án: Do bà T1 không có mặt ở địa phương nên Tòa án đã không thực hiện được việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T1. Qua xác minh chính quyền địa phương thì bà T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương trước khi Tòa án thụ lý vụ án, không có nhà ở và cũng không ai biết địa chỉ ở đâu. Do bà T1 vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ địa chỉ nơi cư trú mới của bà T1 nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, có xác nhận của chính quyền địa phương và thực hiện thủ tục niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số TD15300029, ngày 29/10/2019, bà Nguyễn Thùy T1 có vay tiền tại Ngân hàng H - Chi nhánh Trà Vinh với số tiền vay là 65.000.000 đồng nên Ngân hàng khởi kiện bà T1 đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà T1 theo hợp đồng cho vay, nhưng do bà T1 thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết nơi cư trú mới thì được coi như bà T1 cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thùy T1 là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về tính hợp pháp của hợp đồng cho vay: Hợp đồng tín dụng số TD15300029, ngày 29/10/2019 được lập thành văn bản, việc ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết được quy định tại các Điều 116, 117 và Điều 119 của Bộ luật dân sự 2015 nên hợp đồng trên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[3] Về quá trình thực hiện hợp đồng: Trên cơ sở về việc thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số TD15300029, ngày 29/10/2019 giữa Ngân hàng H và bà T1 đã ký kết, xác định được Hợp đồng tín dụng số TD15300029, ngày 29/10/2019 là hợp đồng vay tài sản, có thời hạn và có lãi, tính đến thời điểm xét xử đã quá hạn trả nợ gốc và lãi vay nhưng bà T1 không thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng theo hợp đồng vay đã ký kết. Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP

ngày 11/01/2019; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Xét thấy bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết giữa các bên nói trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng đã nộp là 1.736.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001792 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

[5] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 179, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 119, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H.

Buộc bà Nguyễn Thùy T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2021) tổng cộng các khoản nợ là nợ là 77.941.290 đồng (*Bảy mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi một nghìn hai trăm chín mươi đồng*). Trong đó: vốn gốc là 65.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 7.855.592 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.079.998 đồng, phí chậm trả lại: 5.700 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/4/2021) cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thùy T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số TD15300029, ngày 29/10/2019.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thùy T1 phải chịu 3.897.000 đồng. Ngân hàng H không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền tạm ứng đã nộp là 1.736.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001792 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai